TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2018/DS-ST
Ngày: 21-11-2018
V/v tranh chấp "*Hợp đồng hụi và hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hồng

Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 353/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp "*Hợp đồng hụi và hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; (có mặt).

Cư trú: Số nhà 49, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Phù Thiên Hoàng L1, sinh năm 1978; (có mặt).

Cư trú: Ấp T1, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Thanh T, sinh năm 1975; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp T1, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về số tiền hụi: Bà có tham gia hụi do bà L1 làm chủ, cụ thể như sau:

Dây hụi 5.000.000/tháng mở ngày 24/01/2016 âm lịch, có 25 hụi viên, bà tham gia 04 phần. Sau đó, bà lĩnh hụi 01 phần và giữa bà với bà L1 cấn trừ qua lại 02 phần nên bà còn tham gia 02 phần hụi sống và bà góp được 14 lần đến

24/02/2017 âm lịch, tổng cộng số tiền hụi mà bà L1 nợ bà 02 phần hụi này là 140.000.000 đồng.

Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, mở ngày 24/3/2016 dương lịch, có 30 hụi viên, bà tham gia 02 phần. Dây hụi này bà đã góp được 13 lần, tổng cộng số tiền hụi bà L1 nợ bà của dây hụi này là 78.000.000 đồng.

Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, mở ngày 20/11/2016 âm lịch, bà không biết có bao nhiêu hụi viên, bà tham gia bao nhiêu phần bà cũng không nhớ vì bà L1 không đưa danh sách hụi cho bà, bà chỉ nhớ bà góp được 04 lần nên tổng số tiền hụi bà L1 nợ bà của dây hụi này là 12.000.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 20/11/2016 âm lịch, bà không biết có bao nhiêu hụi viên, bà tham gia bao nhiêu phần bà cũng không nhớ vì bà L1 không đưa danh sách hụi cho bà, bà chỉ nhớ bà góp được 04 lần nên tổng số tiền hụi bà L1 nợ bà của dây hụi này là 8.000.0000 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi bà L1 nợ bà 238.000.000 đồng (tính luôn tiền lãi hụi mỗi tháng, số tiền lãi hụi mỗi tháng bao nhiêu bà khống nhớ vì bà không lập sổ theo dõi). Sau đó, giữa bà với bà L1 có cấn trừ số tiền của hai dây hụi khác là 33.000.000 đồng để kết thúc hai dây hụi khác này. Dó đó, tổng số tiền hụi bà L1 còn nợ bà là 205.000.000 đồng.

Về số tiền vay:

Bà có vay tiềm giùm bà L1 nhiều lần vào năm 2016 và 2017. Bà vay từ nhiều người sau đó bà đưa lại cho bà L1. Tổng số tiền bà đã vay giùm bà L1 là 1.147.000.000 đồng. Khi vay thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, bà L1 có đóng lãi hàng tháng đóng đến tháng 01/2017 thì ngưng. Bà nhận lãi từ bà L1 sau đó bà đưa số tiền lãi này lại cho người mà bà vay giùm bà L1. Số tiền lãi bà L1 đã đóng bao nhiêu thì bà không nhớ rõ. Sau đó, bà L1 có trả dần cho bà được 28.000.000 đồng, trả thêm mỗi tháng 450.000 đồng, trả được 13 tháng với số tiền 5.850.000 đồng. Đến sau này, bà L1 có trả dần cho bà được 5.990.000 đồng. Do đó, tổng số tiền bà L1 đã trả cho bà là 39.840.000 đồng. Vì vậy, hiện nay bà L1 còn nợ bà 1.107.160.000 đồng. Bà đứng ra vay giùm bà L1 nên bà L1 có trách nhiệm trả cho bà còn việc bà vay tiền của ai để bà đưa bà L1 thì bà sẽ có trách nhiệm với người đó.

Mặc dù, bà L1 là người vay tiền và chủ hụi, nhưng do ông T và bà L1 là vợ chồng. Vì vậy, bà yêu cầu bà L1 cùng với ông T có trách nhiệm liên đới trả bà số tiền nợ hụi và vay tổng cộng 1.312.160.000 đồng (tiền nợ hụi 205.000.000 đồng, tiền vay 1.107.160.000 đồng). Bà xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiển đối với số tiền 39.840.000 đồng so với yêu cầu khởi kiện ban đầu trong đơn khởi kiện.

Khi vỡ nợ, ông T có đưa giấy đất cho bà giữ nhưng sau đó ông T có yêu cầu bà đưa lại để ông T bán đất trở nợ cho bà nhưng khi bán được đất ông T chỉ trả bà được 10.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu trả dần của bà L1 bà không đồng ý. Bà yêu cầu bà L1 trả một lần hết số nợ để bà về trả lại cho các chủ nợ mà bà đã đứng ra vay giùm bà

L1. Do bà L1 thiếu bà quá nhiều tiền nên bà bị mất ngủ liên tục làm ảnh hưởng đến tinh thần của bà.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phù Thiên Hoàng L1 trình bày:

Giữa bà với bà L có tham gia giao dịch hụi như bà L trình bày. Đồng thời, bà cũng có nhờ bà L vay tiền giùm bà nhiều lần. Về sau, giữa bà với bà L có tổng kết lại số tiền hụi và vay, bà nợ bà L tổng cộng 1.357.000.000 đồng. Khi vay có thỏa thuận lãi suất 3%-4%/tháng, bà có trả lãi một thời gian thì ngưng trả. Đối với số tiền lãi đã trả bà không có ý kiền gì vì bà vay tiền bà có thỏa thuận lãi suất nên bà có trách nhiệm trả lãi. Sau đó, bà có trả cho bà L nhiều lần được tổng số tiền 98.000.000 đồng nhưng việc bà trả tiền cho bà L bà không có làm biên nhận nên bà không có gì chứng minh. Bà đồng ý trả bà L số tiền 1.312.160.000 đồng nhưng hiên tại hoàn cảnh bà khó khăn bà xin được trả dần mỗi tháng 700.000 đồng đến khi hết số nợ.

Hiện tại, bà và ông T vẫn là vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng bà chỉ là giáo viên và còn nuôi dưỡng mẹ già và hai con, lương hàng tháng của hai vợ chồng không đủ chi tiêu sinh hoạt trong gia đình nên bà làm thêm chủ hụi và vay thêm tiền bên ngoài để đủ chi tiêu trong sinh hoạt hằng ngày. Vì bà vay nhiều và lâu dần bà mất khả năng trả nợ nên đẫn đến vỡ nợ.

Do bà là người đứng ra vay tiền và giao dịch hụi không liên quan đến chồng bà nên chồng bà không có mặt theo các Thông báo của Tòa án. Trước đây, khi bà vỡ nợ, chồng bà cũng đã đồng ý bán đất và tìm cách trả nợ giúp bà. Hiện nay, ông T vẫn sinh sống cùng bà ở ấp Thị 1, xã Hội An.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải

Tại phiên tòa,

Bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý cách trả dần của bị đơn.

Bà L1 cho rằng chỉ nợ bà L tiền vay 630.000.000 đồng nhưng bà không có chứng cứ chứng minh đối với số tiền vay còn nợ; hiện tại, hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn không có khả năng trả một lần; bà xin được trả dần mỗi tháng 700.000 đồng đến khi hết số nợ; việc vay tiền và giao dịch hụi chỉ do một mình bà thực hiện, không liên quan đến chồng bà nên ông T không có trách nhiệm gì đối với số nợ này

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bà L khởi kiện tranh chấp hợp đồng hụi và hợp đồng vay tài sản với bị đơn có nơi cư trú ấp T1, xã H huyện C, tỉnh An Giang, căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:*

Giữa bà L với bà L1 có xác lập hợp đồng hụi và hợp đồng vay tài sản. Việc xác lập giao dịch này được các bên thừa nhận, xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng hợp pháp.

Bà L1 thừa nhận có nợ bà L tiền hụi 205.000.000 đồng, Xét thấy, bà L1 làm chủ hụi, bà L là thành viên. Mỗi tháng, bà L đã góp đầy đủ tiền hụi cho bà L1, bà L đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của thành viên tham gia hụi. Mặc dù, tuy chưa đến thời điểm kết thúc hụi nhưng bà L1 tuyên bố vỡ hụi và không tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ hụi như đã thỏa thuận ban đầu là vi phạm. Do đó, bà L cầu bà L1 trả số tiền hụi là phù hợp Điều 280, 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

Đối với hợp đồng vay tài sản, bà L1 thừa nhận còn nợ bà L tiền vay 1.107.160.000 đồng và đến nay bà vẫn chưa trả được nợ cho bà L. Mặc dù, tại phiên tòa bà chỉ thừa nhận còn nợ bà L số tiền vay 630.000.000 đồng nhưng bà không có chứng cứ chứng minh đối với số tiền còn nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Do đó, bà L yêu cầu bà L1 có nghĩa vụ trả số tiền vay 1.107.160.000 đồng là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bà L1 có trách nhiệm trả cho bà L số tiền vay 1.107.160.000 đồng là phù hợp Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà L xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 39.840.000 đồng do bà L1 đã trả dần cho bà. Đây là tự nguyên của đương sự không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, xét chấp nhận.

Trách nhiệm liên đới: Bà L yêu cầu ông T có trách nhiệm liên đới cùng bà L1 trả nợ cho bà. Xét thấy, tuy ông T không tham gia giao dịch hụi và vay tài sản với bà L nhưng từ khi Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông đến nay, ông không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bên cạnh đó, giao dịch dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và phục vụ các nhu cầu thiết yếu của gia đình và khi bà L1 bị vỡ nợ ông cũng đã tìm mọi cách trả nợ giúp vợ ông. Vì vậy, ông phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà L1 trả nợ trong phạm vi nghĩa vụ của mình là phù hợp Điều 288 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi và bà L1 không có tranh chấp đối với tiền lãi đã trả đối với số tiền vay nên không xét đến.

Bà L1 xin được trả dần mỗi tháng 700.000 đồng đến khi hết số nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[3]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L1, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 26, 35, 39, 92, 144, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 280, 288, 471, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn bà Phù Thiên Hoàng L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thanh T.

Buộc bà Phù Thiên Hoàng L1 và ông Trương Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay 1.107.160.000 *(một tỷ một trăm lẻ bảy triệu một trăm sáu mươi nghìn)* đồng và tiền hụi 205.000.000 *(hai trăm lẻ năm triệu)* đồng; tổng cộng 1.312.160.000 *(một tỷ ba trăm mười hai triệu một trăm sáu mươi nghìn)* đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phù Thiên Hoàng L1 và ông Trương Thanh T có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 51.365.000 *(năm mươi một triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn)* đồng.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 26.280.000 đồng *(hai mươi sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền số 0000069 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 21 tháng 8 năm 2018.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Bà L, bà L1 có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THA dân sự Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.

Lại Hiệp Phong